

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: ĐỒ HỌA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 534/QĐ-ĐHMTVN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	Khoa Đồ họa
Tên chương trình	Đồ họa
Ngành đào tạo	Tiếng Việt: Đồ họa Tiếng Anh: Printmaking
Mã số ngành đào tạo	7210104
Trình độ đào tạo	Đại học
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo chuẩn	5 năm (cử nhân)
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân nghệ thuật ngành Đồ họa Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Printmaking
Thời điểm cập nhật, điều chỉnh	2022

II. TRIẾT LÝ VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

Sứ mạng: Tạo lập và phát triển môi trường đào tạo, nghiên cứu và sáng tác mỹ thuật chuyên nghiệp, phát huy tốt nhất tiềm năng sáng tạo của người học; bồi dưỡng nhân tài và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Giá trị cốt lõi: BẢN SẮC - SÁNG TẠO - NHÂN VĂN

Triết lý giáo dục: Giáo dục để khai phóng người học trở thành người sáng tạo mỹ thuật, làm chủ bản thân, có tư duy tạo hình và thẩm mỹ cao, tự chủ trong nghề nghiệp, có khát vọng cống hiến; năng động, biết khởi nghiệp, lập nghiệp và phối hợp hài hòa lợi ích bản thân với cộng đồng, dân tộc.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam giữ vững là cơ sở đào tạo mỹ thuật tiên tiến hàng đầu khu vực ASEAN và Châu Á.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung: Đào tạo Cử nhân nghệ thuật có trình độ, thẩm mỹ, tư duy và khả năng tự nghiên cứu, truyền đạt kiến thức của ngành Đồ họa.

2.1. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

PEO 1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật, quốc phòng an ninh, mỹ thuật tạo hình để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực đồ họa; bảo đảm sức khỏe; kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản và khả năng ngoại ngữ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp

PEO 2: Vận dụng thành thạo lý thuyết chuyên sâu về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực đồ họa tạo hình vào thực tiễn sáng tác đồ họa tạo hình ở Việt Nam.

PEO 3: Khả năng áp dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ năng về chuyên môn, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để tham gia tổ chức hoạt động nghiên cứu, công tác giảng dạy, giải quyết được các vấn đề từ thực tiễn sáng tác trong lĩnh vực đồ họa tạo hình.

PEO 4: Kỹ năng dẫn dắt chuyên môn đồ họa tạo hình để xử lý các vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

PEO 5: Bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng và tinh thần thượng tôn pháp luật, thái độ hợp tác, nghiêm túc trong công việc và ý thức thường xuyên cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

3. Tương thích giữa sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục với mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs)

Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam	Mục tiêu của chương trình đào tạo				
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	PEO5
Sứ mạng: Tạo lập và phát triển môi trường đào tạo, nghiên cứu và sáng tác mỹ thuật chuyên nghiệp, phát huy tốt nhất tiềm năng sáng tạo của người học; bồi dưỡng nhân tài và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.	x	x	x	x	x
Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam giữ vững là cơ sở đào tạo mỹ thuật tiên tiến hàng đầu khu vực ASEAN và Châu Á.	x	x	x	x	x

Triết lý giáo dục: Giáo dục để khai phóng người học trở thành người sáng tạo mỹ thuật, làm chủ bản thân, có tư duy tạo hình và thẩm mỹ cao, tự chủ trong nghề nghiệp, có khát vọng cống hiến; năng động, biết khởi nghiệp, lập nghiệp và phối hợp hài hòa lợi ích bản thân với cộng đồng, dân tộc.	x	x	x	x	x
--	---	---	---	---	---

III. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	- Hình thức tuyển sinh: kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển (tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu, xét tuyển môn Ngữ văn). Các thí sinh dự thi sau khi nộp hồ sơ sẽ phải qua phần thi năng khiếu. Các môn thi gồm: Hình họa và Bố cục. - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương, chi tiết tại website: mythuatvietnam.edu.vn - Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHMTVN, và đề án tuyển sinh của Trường ĐHMTVN, chi tiết tại website: mythuatvietnam.edu.vn
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: mythuatvietnam.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: mythuatvietnam.edu.vn

IV. CHUẨN ĐẦU RA

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- **PLO1:** Vận dụng được các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật, Quốc phòng an ninh và GDTC để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

- **PLO2:** Vận dụng được kiến thức cơ bản của mỹ thuật tạo hình bao gồm mỹ thuật học, mỹ học, lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới; giải phẫu tạo hình, luật phối cảnh, cơ sở tạo hình và nguyên lý thị giác trong thực tiễn nghề nghiệp.

- **PLO3:** Vận dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, một số phần mềm đồ họa cơ bản và kỹ thuật nhiếp ảnh để ứng dụng trong sáng tác tác phẩm và trao đổi thông tin; Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- **PLO4:** Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu của ngôn ngữ đồ họa để nghiên

cứu hình họa chì, than, hình họa màu nước, ký họa, vẽ hình, sáng tạo hình ảnh, hình tượng nghệ thuật.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- **PLO5:** Kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các chất liệu và phương pháp đồ họa như chì, than, bút kim, màu nước... để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình.

- **PLO6:** Khả năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các chất liệu và phương pháp thực hành sáng tác phẩm đồ họa tạo hình thuộc các thể loại tranh in nổi (khắc gỗ, khắc cao su, khắc bìa...), tranh in lõm (khắc kẽm, khắc đồng, khắc mica, in collagraph...), tranh in phẳng (trên chất liệu đá, trên kim loại), tranh in xuyên (tranh in lưới, in trở khuôn), tranh in độc bản, tranh in đa chiều (sắp đặt tranh in, book art tranh in).

- **PLO7:** Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực đồ họa tạo hình.

- **PLO8:** Kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành đồ họa tạo hình.

- **PLO9:** Kỹ năng sử dụng tốt máy ảnh, máy vi tính phục vụ sáng tác tác phẩm và nghiên cứu về đồ họa tạo hình.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO10:** Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình về công việc liên quan để thực hiện các công việc liên quan đến sáng tác, giảng dạy về đồ họa;

- **PLO11:** Khả năng độc lập sáng tác tác phẩm đồ họa tạo hình trong đó thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ mỹ thuật, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;

- **PLO12.** Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực đồ họa.

4. Tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT ngành Đồ họa

PEOs	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Đồ họa (PLOs)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	x	x	x									
2				x								
3					x	x		x	x			
4							x					
5										x	x	x

5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- Họa sỹ sáng tác tác phẩm đồ họa tạo hình độc lập, nghiên cứu các vấn đề về nghệ thuật đồ họa và mỹ thuật.
- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có ngành, chuyên ngành mỹ thuật.
- Nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật.
- Họa sỹ phụ trách mỹ thuật, trình bày tại các nhà xuất bản, tạp chí, báo...
- Hoạt động chuyên môn đồ họa, mỹ thuật tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có đủ trình độ và khả năng chuyển đổi sang học các ngành gần như Hội họa, Điêu khắc, Sư phạm mỹ thuật, Lý luận, Lịch sử và Phê bình mỹ thuật, Thiết kế đồ họa và các chuyên ngành của ngành Mỹ thuật ứng dụng.
- Học tiếp ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

V. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỒ HỌA

TT	Nội dung	Tổng		Bắt buộc		Tự chọn	
		ĐVHT	Tỷ lệ	ĐVHT	Tỷ lệ	ĐVHT	Tỷ lệ
I	Giáo dục đại cương	57	25.44				
1	Khoa học xã hội nhân văn	47	20.98				
2	Ngoại ngữ	10	4.46				
II	Giáo dục chuyên nghiệp	167	74.55				
3	Cơ sở ngành	40	17.85				
4	Ngành	97	43.3	88	39.28	9	4.01
5	Thực tế	15	6.69				
6	Thi tốt nghiệp	15	6.69				
	Tổng cộng	224	100				

VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỒ HỌA

1. Khung chương trình đào tạo ngành Đồ họa

1. Khung chương trình đào tạo ngành Đồ họa																
TT	Mã học phần	Học phần	Số ĐVHT	Giờ TH (ĐVHT)	Học kỳ	Phân bổ từng học kỳ										Học phần TQ(1)/HT(2)
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số ĐVHT			Bắt buộc			25	22	32	17	27	26	24	21	24	15	
			Tự chọn			0	0	0	0	0	3	0	6	0	0	
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh)		57													
1	MTTH 401	Triết học Mác-Lênin	3		1	3										MTTH 401 (2)
2	MTKT 402	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2		1	2										
3	MTCX 403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2		2									MTKT 402 (2)
4	MTĐC 404	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	3		5					3						MTCX 405 (2)
5	MTTT 405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3			2								MTCX 403 (2)
6	MTĐV 406	Đường lối Văn hóa - Văn nghệ của Đảng CSVN	2		5					2						MTĐC 404 (2)
7	MTTV 407-1	Tiếng Anh 1	3		1	3										MTTV 407-1 (1)
8	MTTV 407-2	Tiếng Anh 2	3		2		3									
9	MTTV 407-3	Tiếng Anh 3	4		3			4								MTTV 407-2 (1)
10	MTLT 408	Lịch sử triết học	2		3			2								MTCX 403 (2)
11	MTPL 409	Pháp luật đại cương và phòng chống tham nhũng	3		3			3								MTLT 412 (2)
12	MTLV 411	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	4		3			4								

13	MTLT 412	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	5		1	5										
14	MTMT 413	Mỹ thuật học 1	3		5					3						MTMH 414 (2)
15	MTMH 414	Mỹ học đại cương	2		4				2							
16	MTPN 415	PP nghiên cứu khoa học	2		5					2						
17	MTGP 416	Giải phẫu tạo hình	3		1	3										MTGP 416 (2)
18	MTXG 417	Luật xa gần	3		2		3									MTXG 417 (2)
19	MTĐB 418	Đặc biểu kiến trúc	2		3			2								
20	MTNM 419	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	1,5	3			2								
21	MTĐK 420	Điêu khắc	2		3			2								
22	MTGT 421	Giáo dục thể chất	5		1,2, 3,4											
23	MTQA 422	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	165 tiết		1											
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		163													
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		40													
24	ĐHHH 457-1	Hình họa 1/ Academic Drawing 1	2	1,0	1	2										
25	ĐHHH 457-2	Hình họa 2/ Academic Drawing 2	3	1,5	1	3										ĐHHH 457-1 (2)
26	ĐHHH 458-1	Hình họa 3/ Academic Drawing 3	2	1,0	2		2									ĐHHH 457-2 (2)
27	ĐHHH 458-2	Hình họa 4/ Academic Drawing 4	3	1,5	2		3									ĐHHH 458-1 (2)

28	ĐHHH 459-1	Hình họa 5/ Academic Drawing 5	2	1,0	3			2								ĐHHH 458-2 (2)
29	ĐHHH 459-2	Hình họa 6/ Academic Drawing 6	3	1,5	3			3								ĐHHH 459-1 (2)
30	ĐHHH 460-1	Hình họa 7/ Academic Drawing 7	2	1,0	4				2							ĐHHH 459-2 (2)
31	ĐHHH 460-2	Hình họa 8/ Academic Drawing 8	3	1,5	4				3							ĐHHH 460-1 (2)
32	ĐHHH 461-1	Hình họa 9/ Academic Drawing 9	2	1,0	5					2						ĐHHH 460-2 (2)
33	ĐHHH 461-2	Hình họa 10/ Academic Drawing 10	3	1,5	5					3						ĐHHH 461-1 (2)
34	ĐHHH 462-1	Hình họa 11/ Academic Drawing 11	2	1,5	6						2					ĐHHH 461-2 (2)
35	ĐHHH 462-2	Hình họa 12/ Academic Drawing 12	3	1,5	6						3					ĐHHH 462-1 (2)
36	ĐHCT 463-1	Cơ sở tạo hình 1/ Fine art fundaments 1	2	1,5	1	2										
37	ĐHCT 463-2	Cơ sở tạo hình 2/ Fine art fundaments 2	2	1,5	1	2										ĐHCT 463-1 (1)
38	ĐHCT 463-3	Cơ sở tạo hình 3/ Fine art fundaments 3	2	1,5	2		2									ĐHCT 463-2 (1)
39	ĐHCT 463-4	Cơ sở tạo hình 4/ Fine art fundaments 4	2	1,5	2		2									ĐHCT 463-3 (2)
40	MTNA 419	Nhiếp ảnh/ Photography	2	1,5	2		2									
2.2	Kiến thức ngành		97													

2.2.1	Các học phần bắt buộc		88												
41	ĐHST 466	Sáng tác Đồ họa 1/ Graphic art Creation 1	3	1,5	3			3							ĐHCT 463-1 (1)
42	ĐHST 467	Sáng tác Đồ họa 2/ Graphic art Creation 2	3	1,5	3			3							ĐHST 466 (2)
43	ĐHST 468	Sáng tác Đồ họa 3/ Graphic art Creation 3	4	2,0	4				4						ĐHST 467 (2)
44	ĐHST 469	Sáng tác Đồ họa 4/ Graphic art Creation 4	2	1,0	4				2						ĐHST 468 (2)
45	ĐHST 470	Sáng tác Đồ họa 5/ Graphic art Creation 5	3	1,5	5					3					ĐHST 469 (2)
46	ĐHST 471	Sáng tác Đồ họa 6/ Graphic art Creation 6	3	1,5	5					3					ĐHST 470 (2)
47	ĐHST 472	Sáng tác Đồ họa 7/ Graphic art Creation 7	3	1,5	5					3					ĐHST 471 (2)
48	ĐHST 473	Sáng tác Đồ họa 8/ Graphic art Creation 8	3	1,5	5					3					ĐHST 472 (2)
49	ĐHST 474	Sáng tác Đồ họa 9/ Graphic art Creation 9	2	1,5	6						2				ĐHST 473 (2)
50	ĐHST 475	Sáng tác Đồ họa 10/ Graphic art Creation 10	2	1,5	6						2				ĐHST 474 (2)
51	ĐHST 476	Sáng tác Đồ họa 11/ Graphic art Creation 11	3	1,5	6						3				ĐHST 475 (2)
52	ĐHST 477	Sáng tác Đồ họa 12/ Graphic art Creation 12	4	1,5	6						4				ĐHST 476 (2)
53	ĐHST 478	Sáng tác Đồ họa 13/ Graphic art Creation 13	4	1,5	7							4			ĐHST 477 (2)

54	ĐHST 479	Sáng tác Đồ họa 14/ Graphic art Creation 14	4	1,5	7							4				ĐHST 478 (2)
55	ĐHST 480	Sáng tác Đồ họa 15/ Graphic art Creation 15	4	1,5	7							4				ĐHST 479 (2)
56	ĐHST 481	Sáng tác Đồ họa 16/ Graphic art Creation 16	4	2,0	7							4				ĐHST 480 (2)
57	ĐHST 482	Sáng tác Đồ họa 17/ Graphic art Creation 17	4	1,5	7							4				ĐHST 481 (2)
58	ĐHST 483	Sáng tác Đồ họa 18/ Graphic art Creation 18	3	1,5	8								3			ĐHST 482 (2)
59	ĐHST 484	Sáng tác Đồ họa 19/ Graphic art Creation 19	3	1,5	8								3			ĐHST 483 (2)
60	ĐHST 485	Sáng tác Đồ họa 20/ Graphic art Creation 20	3	1,5	8								3			ĐHST 484 (2)
61	ĐHST 486	Sáng tác Đồ họa 21/ Graphic art Creation 21	4	1,5	9									4		ĐHST 485 (2)
62	ĐHST 487	Sáng tác Đồ họa 22/ Graphic art Creation 22	4	1,5	9									4		ĐHST 486 (2)
63	ĐHST 488	Sáng tác Đồ họa 23/ Graphic art Creation 23	4	1,5	9									4		ĐHST 487 (2)
64	ĐHST 489	Sáng tác Đồ họa 24/ Graphic art Creation 24	4	1,5	9									4		ĐHST 488 (2)
65	ĐHST 490	Sáng tác Đồ họa 25/ Graphic art Creation 25	4	1,5	9									4		ĐHST 489 (2)
66	ĐHST 491	Sáng tác Đồ họa 26/ Graphic art Creation 26	4	1,5	9									4		ĐHST 490 (2)
2.2.2	Các học phần tự chọn		9													

67	MTBA 489	Book Art	3	1,5	6						3					
68	MTCQ 490	In cảm quang/ Ligth sensitive printmaking	3	1,5	6						3					
69	MTVA 418	Video art	3	1,5	8							3				
70	MTTW 423	Thiết kế Web/ Website Design	3	1,5	8							3				
71	MTTL 424	Tranh Lụa/ Silk Painting	3	1,5	8							3				
72	MTSK 425	Son khắc/ Engraved Lacquer	3	1,5	8							3				
2.2.3 Thực tập nghề nghiệp			15													
73	ĐHTT 491	Thực tập 1/ Field trip practice 1	3	0,5	2		3									
74	ĐHTT 492	Thực tập 2/ Field trip practice 2	4	0,5	4				4							
75	ĐHTT 493	Thực tập 3/ Field trip practice 3	4	0,5	6						4					
76	ĐHTT 494	Thực tập 4/ Field trip practice 4	4	0,5	7							4				
2.2.4. Thi tốt nghiệp			15													
77	MTCT 457	Chính trị cuối khoá/ Graduation political unit	2		10										2	
78	MTKL 458	Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation thesis	2		10										2	
		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp/Unit for Graduation														

79	ĐHST 495	Sáng tác tốt nghiệp/Graduation project	11	3	10										11	
	Tổng cộng		224													

Lưu ý:

- Một đơn vị học trình (ĐVHT) được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 tiết thực hành hay thảo luận; bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45 giờ làm bài sáng tác, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

- Một tiết học được tính bằng 45 phút.
- TQ (1) = Tiên quyết; HT (2) = Học trước
- HP Giáo dục quốc phòng- An ninh theo lịch của đơn vị tổ chức

3. Lưu đồ chương trình đào tạo ngành Đồ họa

Học kỳ 1 25 đvht	TH Mác-Lê (3đvht)	KTCT Mác-Lê (2đvht)	T.Anh 1 (3đvht)	LSMTTG1 (5đvht)	Giải phẫu TH (3đvht)	HH 1 (2đvht)	HH 2 (3đvht)	CSTH 1 (2đvht)	CSTH 2 (2đvht)			
Học kỳ 2 22 đvht	CNXHKH (2đvht)	T.Anh 2 (3đvht)	Luật xa gần (3đvht)	HH 3 (2đvht)	HH 4 (3đvht)	CSTH 3 (2đvht)	CSTH 4 (2đvht)	Nhiếp ảnh (2đvht)	Thực tập 1 (3đvht)			
Học kỳ 3 32 đvht	TT HCM (2đvht)	T.Anh 3 (4đvht)	LS triết học (2đvht)	PLĐC và PCTN (3đvht)	LSMTVN 1 (4đvht)	Đặc biểu KT (2đvht)	NC MT cổ (2đvht)	ĐK (2đvht)	HH 5 (2đvht)	HH 6 (3đvht)	STĐH 1 (3đvht)	STĐH 2 (3đvht)
Học kỳ 4 17 đvht	Mỹ học ĐC (2đvht)	HH 7 (2đvht)	HH 8 (3đvht)	STĐH 3 (4đvht)	STĐH 4 (2đvht)	Thực tập 2 (4đvht)						
Học kỳ 5 27 đvht	LS ĐCSVN (3đvht)	Đường lối VHVN của ĐCSVN (2đvht)	MTH 1 (3đvht)	PP NCKH (2đvht)	HH 9 (2đvht)	HH 10 (3đvht)	STĐH 5 (3đvht)	STĐH 6 (3đvht)	STĐH 7 (3đvht)	STĐH 8 (3đvht)		
Học kỳ 6 26 đvht	HH 11 (2đvht)	HH 12 (3đvht)	STĐH 9 (2đvht)	STĐH 10 (2đvht)	STĐH 11 (3đvht)	STĐH 12 (4đvht)	Bookart (3đvht)	In cảm quang (3đvht)	Thực tập 3 (4đvht)			
Học kỳ 7 24 đvht	STĐH 13 (4đvht)	STĐH 14 (4đvht)	STĐH 15 (4đvht)	STĐH 16 (4đvht)	STĐH 17 (4đvht)	Thực tập 4 (4đvht)						
Học kỳ 8 21 đvht	STĐH 18 (3đvht)	STĐH 19 (3đvht)	STĐH 20 (3đvht)	Video art (3đvht)	Thiết kế web (3đvht)	Tranh lụa (3đvht)	Sơn khắc (3đvht)					
Học kỳ 9 24 đvht	STĐH 21 (4đvht)	STĐH 22 (4đvht)	STĐH 23 (4đvht)	STĐH 24 (4đvht)	STĐH 25 (4đvht)	STĐH 26 (4đvht)						
Học kỳ 10 15 đvht	Chính trị cuối khóa (2đvht)	Khoa luận TN/HP TT KLTN (2đvht)				Sáng tác tốt nghiệp (11đvht)						

Ghi chú: (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

HP bắt buộc

HP tự chọn

T.tập/TN

(2) Chi thị màu/viền:

HP GDĐC

HP cơ sở ngành

HP ngành/CN

4. Ma trận mối quan hệ đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã học phần	Học phần	Khối lượng kiến thức (ĐVHT)	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT NGÀNH ĐỒ HỌA												Tổng cộng
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	
1	Kiến thức giáo dục đại cương		57													
1	MTTH 401	Triết học Mác-Lênin	3	I												
2	MTKT 402	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	I												
3	MTCX 403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I												
4	MTĐC 404	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	3	I												
5	MTTT 405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I												
6	MTĐV 406	Đường lối Văn hóa - Văn nghệ của Đảng CSVN	2	I												
7	MTTV 407-1	Tiếng Anh 1	3			I										
8	MTTV 407-2	Tiếng Anh 2	3			R										
9	MTTV 407-3	Tiếng Anh 3	4			R										
10	MTLT 408	Lịch sử triết học	2	I												
11	MTPL 409	Pháp luật đại cương và phòng chống tham nhũng	3	I												
12	MTLV 411	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam 1	4		R							R				
13	MTLT 412	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới 1	5		R							R				

14	MTMT 413	Mỹ thuật học 1	3		R						R					
15	MTMH 414	Mỹ học đại cương	2		I						R					
16	MTPN 415	PP nghiên cứu khoa học	2		I					R	R				R	
17	MTGP 416	Giải phẫu tạo hình	3		R			R								
18	MTXG 417	Luật xa gần	3		R			R								
19	MTĐB 418	Đặc biểu kiến trúc	2		I											
20	MTNM 419	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2		I											
21	MTĐK 420	Điêu khắc	2		I											
22	MTGT 421	Giáo dục thể chất	5	I												
23	MTQA 422	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	165 tiết	I												
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		163													
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		40													
24	ĐHHH 457-1	Hình họa 1/ Academic Drawing 1	2					R	R	M					M	
25	ĐHHH 457-2	Hình họa 2/ Academic Drawing 2	3					M	M	M					M	
26	ĐHHH 458-1	Hình họa 3/ Academic Drawing 3	2					R	R	M					M	
27	ĐHHH 458-2	Hình họa 4/ Academic Drawing 4	3					M	M	M					M	
28	ĐHHH 459-1	Hình họa 5/ Academic Drawing 5	2					R	R	M					M	

29	ĐHHH 459-2	Hình họa 6/ Academic Drawing 6	3				M	M	M					M		
30	ĐHHH 460-1	Hình họa 7/ Academic Drawing 7	2				R	R	M					M		
31	ĐHHH 460-2	Hình họa 8/ Academic Drawing 8	3				M	M	M					M		
32	ĐHHH 461-1	Hình họa 9/ Academic Drawing 9	2				R	R	M					M		
33	ĐHHH 461-2	Hình họa 10/ Academic Drawing 10	3				M	M	M					M		
34	ĐHHH 462-1	Hình họa 11/ Academic Drawing 11	2				R	R	M					M		
35	ĐHHH 462-2	Hình họa 12/ Academic Drawing 12	3				M	M	M					M		
36	ĐHCT 463-1	Cơ sở tạo hình 1/ Fine art fundamentals 1	2				M	M	M					M		
37	ĐHCT 463-2	Cơ sở tạo hình 2/ Fine art fundamentals 2	2				M	M	M					M		
38	ĐHCT 463-3	Cơ sở tạo hình 3/ Fine art fundamentals 3	2				M	M	M					M		
39	ĐHCT 463-4	Cơ sở tạo hình 4/ Fine art fundamentals 4	2				M	M	M					M		
40	MTNA 419	Nhiếp ảnh/ Photography	2			R						R				
2.2	Kiến thức ngành		97													
2.2.1	Các học phần bắt buộc		88													
41	ĐHST 466	Sáng tác Đồ họa 1/ Graphic art Creation 1	3						M					R		
42	ĐHST 467	Sáng tác Đồ họa 2/ Graphic art Creation 2	3						M					R		

43	ĐHST 468	Sáng tác Đồ họa 3/ Graphic art Creation 3	4						M					R		
44	ĐHST 469	Sáng tác Đồ họa 4/ Graphic art Creation 4	2						M					R		
45	ĐHST 470	Sáng tác Đồ họa 5/ Graphic art Creation 5	3						M					R		
46	ĐHST 471	Sáng tác Đồ họa 6/ Graphic art Creation 6	3						M					R		
47	ĐHST 472	Sáng tác Đồ họa 7/ Graphic art Creation 7	3						M					R		
48	ĐHST 473	Sáng tác Đồ họa 8/ Graphic art Creation 8	3						M					R		
49	ĐHST 474	Sáng tác Đồ họa 9/ Graphic art Creation 9	2						M					R		
50	ĐHST 475	Sáng tác Đồ họa 10/ Graphic art Creation 10	2						M					R		
51	ĐHST 476	Sáng tác Đồ họa 11/ Graphic art Creation 11	3						M					R		
52	ĐHST 477	Sáng tác Đồ họa 12/ Graphic art Creation 12	4						M					R		
53	ĐHST 478	Sáng tác Đồ họa 13/ Graphic art Creation 13	4						M					R		
54	ĐHST 479	Sáng tác Đồ họa 14/ Graphic art Creation 14	4						M					R		
55	ĐHST 480	Sáng tác Đồ họa 15/ Graphic art Creation 15	4						M					R		
56	ĐHST 481	Sáng tác Đồ họa 16/ Graphic art Creation 16	4						M					R		
57	ĐHST 482	Sáng tác Đồ họa 17/ Graphic art Creation 17	4						M					R		
58	ĐHST 483	Sáng tác Đồ họa 18/ Graphic art Creation 18	3						M					R		

59	ĐHST 484	Sáng tác Đồ họa 19/ Graphic art Creation 19	3						M					M		
60	ĐHST 485	Sáng tác Đồ họa 20/ Graphic art Creation 20	3						M					M		
61	ĐHST 486	Sáng tác Đồ họa 21/ Graphic art Creation 21	4						M					M,A	M,A	
62	ĐHST 487	Sáng tác Đồ họa 22/ Graphic art Creation 22	4						M					M,A	M,A	
63	ĐHST 488	Sáng tác Đồ họa 23/ Graphic art Creation 23	4						M					M,A	M,A	
64	ĐHST 489	Sáng tác Đồ họa 24/ Graphic art Creation 24	4						M					M,A	M,A	
65	ĐHST 490	Sáng tác Đồ họa 25/ Graphic art Creation 25	4						M					M,A	M,A	
66	ĐHST 491	Sáng tác Đồ họa 26/ Graphic art Creation 26	4						M					M,A	M,A	
2.2.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		9													
67	MTBA 489	Book Art	3						R							
68	MTCQ 490	In cảm quang/ Ligth sensitive printmaking	3						R							
69	MTVA 418	Video art	3			I						R				
70	MTTW 423	Thiết kế Web/ Website Design	3			I						R				
71	MTTL 424	Tranh Lụa/ Silk Painting	3				I									
72	MTSK 425	Sơn khắc/ Engraved Lacquer	3				I									
2.2.3	<i>Thực tập nghề nghiệp</i>		15													

73	ĐHTT 491	Thực tập 1/ Field trip practice 1	3					M,A					R		M,A	
74	ĐHTT 492	Thực tập 2/ Field trip practice 2	4					M,A					R		M,A	
75	ĐHTT 493	Thực tập 3/ Field trip practice 3	4					M,A					R		M,A	
76	ĐHTT 494	Thực tập 4/ Field trip practice 4	4					M,A					R		M,A	
2.2.4.	Thi tốt nghiệp		15													
77	MTCT 457	Chính trị cuối khoá/ Graduation political unit	2	I									I			
78	MTKL 458	Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation thesis	2								R	M		R		
		Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp/Unit for Graduation														
79	ĐHST 495	Sáng tác tốt nghiệp/Graduation project	11		M,A		M,A	M,A	M,A	M,A			M,A	M,A	M,A	
	Tổng cộng		224													
CHUẨN ĐẦU RA				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của môn học đối với CĐR được xác định cụ thể như sau:

- **I** (Introduced) - môn học có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu bắt đầu.
- **R** (Reinforced) - môn học có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế...
- **M** (Mastery) - môn học có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục thông hiểu.
- **A** (Assessment) - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đánh giá mức đạt PLO.

5. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp dựa trên chuẩn đầu ra thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và Quy định về hoạt động khảo thí của trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Chi tiết tại mythuatvietnam.edu.vn

Bảng các phương pháp kiểm tra đánh giá chính phù hợp với CĐR của CTĐT

TT	PP đánh giá KQHT	Công cụ đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Đồ họa											
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	Thuyết trình	Đáp án										X		
2	Tự luận	Đáp án	X							X				
3	Trắc nghiệm	Đáp án			X									
4	Vấn đáp	Đáp án										X		
5	Báo cáo	Đáp án								X				
6	Bài thực hành	Đáp án		X		X	X	X	X			X	X	X
7	Đánh giá trung bày tác phẩm	Đáp án		X		X	X	X	X			X	X	X

6. Phương pháp dạy và học

CTĐT ngành đồ họa sử dụng các PPDH tích cực, lấy NH làm trung tâm, giảng dạy lý thuyết gắn với thực tế nhằm giúp người học đạt được CĐR HP và CĐR CTĐT, điển hình như: Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp thực hành; Phương pháp thị phạm; Tự học có hướng dẫn; nêu và giải quyết vấn đề...

Bảng các phương pháp dạy-học chính phù hợp với CĐR của CTĐT

T T	Mục tiêu đào tạo	CĐR của CTĐT	Phương pháp dạy và học	Môi trường dạy và học
1	POE1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật, quốc phòng an ninh, mỹ thuật tạo hình để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực đồ họa; bảo đảm sức khỏe; kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản và khả năng ngoại ngữ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp	PLO1 PLO2 PLO3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thực hành - Làm theo hướng dẫn - Tự học, tự nghiên cứu - Dựa trên vấn đề	- Giảng đường - Phòng thực hành - Thư viện, Giảng đường, Khuôn viên trường

T T	Mục tiêu đào tạo	CDR của CTĐT	Phương pháp dạy và học	Môi trường dạy và học
2	POE2: Vận dụng thành thạo lý thuyết chuyên sâu về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực đồ họa tạo hình vào thực tiễn sáng tác đồ họa tạo hình ở Việt Nam.	PLO4	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thực hành - Làm theo hướng dẫn - Tự học, tự nghiên cứu	- Giảng đường - Phòng thực hành - Thư viện/Giảng đường/Khuôn viên trường
3	POE3: Khả năng áp dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ năng về chuyên môn, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để tham gia tổ chức hoạt động nghiên cứu, công tác giảng dạy, giải quyết được các vấn đề từ thực tiễn sáng tác trong lĩnh vực đồ họa tạo hình.	PLO5 PLO6 PLO8 PLO9	- Tự học, tự nghiên cứu - Thực hành	- Thư viện/Giảng đường/Khuôn viên trường - Cộng đồng
4	POE4: Kỹ năng dẫn dắt chuyên môn đồ họa tạo hình để xử lý các vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.	PLO7	- Thực hành - Tự học có hướng dẫn	- Phòng thực hành
5	POE5: Bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng và tinh thần thượng tôn pháp luật, thái độ hợp tác, nghiêm túc trong công việc và ý thức thường xuyên cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.	PLO10 PLO11 PLO12	- Tự học - Thực hành	- Phòng thực hành - Thư viện/Giảng đường/Khuôn viên trường

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo Đồ họa được thiết kế để đào tạo cử nhân ngành Đồ họa ở trình độ đại học hệ chính quy với thời gian đào tạo 5 năm và tổng khối lượng kiến thức tối thiểu là 224 ĐVHT, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết).

- Chương trình được thực hiện theo hình thức niên chế. Các học phần được thiết kế theo ĐVHT. Mỗi đơn vị học trình bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, 45 tiết thực tập.

- Sau mỗi học phần đều có nhận xét đánh giá và chấm điểm theo thang điểm 10.

- Điểm của các học phần được tích lũy thành điểm trung bình của từng năm học để xếp loại học tập, xét học bổng hàng năm và được tích lũy trong toàn khóa để xếp loại tốt nghiệp.

- Chương trình đào tạo là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

- Căn cứ chương trình đào tạo, Trưởng khoa Đồ họa có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các giảng viên tiến hành xây dựng đề cương học phần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội.

- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm Khoa thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng.

VIII. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa và Trung tâm thông tin thư viện, Phòng Bảo đảm chất lượng giáo dục và Công tác sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại thư viện ngay sau khi nhập học, mượn và đọc tài liệu miễn phí
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, y tế,.

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Nghĩa Phương

**P.TRƯỞNG PHÒNG
ĐT,QLKH&HTQT**



Giang Nguyệt Ánh

P.HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Phong Lan